

Bản án số: 80/2022/HC-PT

Ngày: 25/3/2022

*V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai
và quyết định giải quyết khiếu nại”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tồn

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 238/2021/TLPT-HC ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2021/HC-ST ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1264/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Âu Thành C, sinh năm 1937 và bà Trần Thị A, sinh năm 1940. Cùng địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền cho người khởi kiện: Ông Đào Ngọc T1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Địa chỉ: 300 Đường L, phường H, quận H1, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Lê Thị Thúy K - Công ty luật TNHH Một thành viên KPK, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 300 Đường L, phường H, quận H1, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn Đ – Chủ tịch, có Văn bản số 572/UBND-NV ngày 11/3/2022 đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Âu Thành Tr, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 53, đường TN, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

2. Ông Âu Thành D, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn TL, xã P1, huyện K, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

3. Bà Âu Thị T2, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 212B/C10 đường N1, Phường N2, Quận Y, Tp. HCM, vắng mặt.

4. Bà Âu Thị Th, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hà Tr1, sinh năm 1996. Địa chỉ Thôn TA, xã B1, huyện T2, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

5. Ông Âu Thanh H2, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Âu Thành C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Âu Thành C, bà Trần Thị A trình bày.

Hộ bà Trần Thị A được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1530, tờ bản đồ số 17, diện tích 241,5m², xã B, huyện B1 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS553172, số vào sổ CS01160, ngày cấp 05/07/2016; thửa đất số 1531, tờ bản đồ số 17, diện tích 175,2m², xã B, huyện B1 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS553173, số vào sổ CS01161, ngày cấp 25/07/2016; UBND huyện B1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ L485974 ngày 25/12/1997 tại thửa đất số 1271, tờ bản đồ số 7 nay là thửa đất số 764, tờ bản đồ số 3 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 03/8/2017) xã B. Năm 2017 Quốc lộ 1A mở rộng lộ giới qua mặt tiền 03 thửa đất 1530; 1531 và 764 của ông C, bà A.

UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 26/9/2017, thu hồi 56m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất 1530.

UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 23/11/2017, thu hồi 55m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất 1531. Tuy nhiên, thực tế dự án chỉ sử dụng 34,4m², còn lại 20,6m² không sử dụng vào mục đích thu hồi, như vậy là thu hồi dư của ông C, bà A là 20,6m².

UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 06/10/2017, thu hồi 97m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất 764.

Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND huyện B1 về bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị A với tổng giá trị bồi thường 278.569.800 đồng. Trong đó bồi thường về đất 15.680.000 đồng, bồi thường về nhà cửa vật kiến trúc 243.364.800 đồng, bồi thường về cây cối, hoa màu 800.000 đồng, các khoản hỗ trợ khác 18.725.000 đồng.

Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND huyện B1 về

bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị A với tổng giá trị bồi thường 36.068.200 đồng. Trong đó bồi thường về đất 27.160.000 đồng, bồi thường về nhà cửa vật kiến trúc 6.984.000 đồng, bồi thường về cây cối, hoa màu 1.575.000 đồng, các khoản hỗ trợ khác 394.200 đồng.

Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND huyện B1 về bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ bà Trần Thị A là 15.400.000 đồng.

Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của UBND huyện B1 về bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc cho hộ bà Trần Thị A với số tiền 58.917.000 đồng.

Ngày 18/6/2018, UBND huyện B1 ban hành các Quyết định điều chỉnh đất thu hồi từ loại đất trồng cây sang thu hồi đất ở nông thôn tại: Quyết định số 508/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 điều chỉnh thu hồi 97m² đất ở nông thôn của thửa đất 764; Quyết định số 509/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 điều chỉnh thu hồi 56m² đất ở nông thôn của thửa đất 1530; Quyết định số 510/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 điều chỉnh thu hồi 55m² đất ở nông thôn của thửa đất 1531.

Trong các quyết định bồi thường hỗ trợ trên, ông C, bà A chấp nhận phương án bồi thường hỗ trợ về nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu và các khoản hỗ trợ khác, không chấp nhận phương án bồi thường hỗ trợ về trị giá đất 58.240.000 đồng, giá trị bồi thường hỗ trợ về đất 500.000 đồng/m² là không hợp lý, hỗ trợ về đất chưa thực tế, không phù hợp với giá thị trường.

Diện tích đất của ông bà bị thu hồi gần diện tích đất của ông Nguyễn Tấn Mạnh, thửa 185 ông Mạnh mua lại của Nhà nước phát mãi bán đấu giá thửa đất 185 với giá 3.326.000 đồng/m² do Công ty cổ phần thẩm định giá Miền Trung thẩm định ngày 27/4/2016. Do đó tổng giá trị UBND huyện B1 phải đền bù về giá trị đất cho ông bà là 208m² X 3.326.000 đồng/m² = 691.808.000 đồng.

Vì trường hợp thu hồi 208m² đất ở của các thửa 1530, 1531 và 764 trên cùng một dự án, nên ông C, bà A được cấp đất tái định cư. UBND huyện S1 đã cấp cho hộ bà Trần Thị A 01 lô đất tái định cư tại Khu tái định cư TL, xã T3, huyện S1 thuộc thửa đất số 167 (Quyết định giao đất tái định cư ghi là thửa 730, tờ bản đồ số 9, UBND huyện S1 ban hành Quyết định giao đất số 6423/QĐ-UBND ngày 27/12/2018) tờ bản đồ số 5, diện tích 140m² tại xã T3. UBND huyện S1 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 14376 ngày 30/12/2019 thửa đất cho hộ bà A, hiện nay hộ bà A đã chuyển nhượng thửa đất này cho ông Nguyễn H3, sinh năm 1965, địa chỉ: xã T3, huyện S1 vào ngày 11/12/2020.

Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017; Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3197/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3599/QĐ-UBND ngày 06/12/2017; Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1671/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của UBND huyện B1 bồi thường không đúng giá trị loại đất mặt tiền Quốc lộ 1A đất ở, không đúng với giá thực tế mua bán. Ông C, bà A gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B1. Chủ tịch UBND huyện B1 đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2511/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 bác toàn bộ yêu cầu của ông C, bà A. ông C, bà A tiếp

tục gửi đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 15/4/2020, nội dung không công nhận toàn bộ đơn khiếu nại của ông C, bà A.

Các Quyết định trên đã xâm phạm đến lợi ích hợp pháp và đời sống kinh tế của gia đình ông C, bà A. Do vậy, ông C, bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 537/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 do Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ký, nội dung “không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của hộ bà Trần Thị A, ông Âu Thành C”.

2. Hủy quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1) số 2511/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1 Ký, nội dung “bác đơn khiếu nại của hộ bà Trần Thị A, ông Âu Thành C”.

3. Hủy Quyết định thu hồi đất số 2005/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1, nội dung: Thu hồi 55m² đất, loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thuộc thửa đất 1531, tờ bản đồ số 3, xã B thu hồi dư 20,6m² của hộ bà Trần Thị A, ông Âu Thành C.

4. Hủy Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của ủy ban nhân dân huyện B1, nội dung: bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị A, ông Âu Thành C tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 278.569.800 đồng, bồi thường hỗ trợ về đất là 15.680.000 đồng, loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK).

5. Hủy Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3197/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1, nội dung: bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị A, ông Âu Thành C tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 30.068.200 đồng, bồi thường hỗ trợ về đất là 27.160.000 đồng, loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK).

6. Hủy Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3599/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1, nội dung: bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị A, ông Âu Thành C tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất là 15.400.000 đồng, loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK).

7. Hủy Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1671/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B1, nội dung: bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị A, ông Âu Thành C; bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc là 58.917.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông C, bà A thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 537/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, nội dung “không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của hộ bà Trần Thị A, ông Âu Thành C”.

2. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1) số 2511/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1 ký, nội dung “bác đơn khiếu nại của hộ bà Trần Thị A, ông Âu Thành C”.

3. Hủy Quyết định thu hồi đất số 2005/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1, nội dung: thu hồi 55m² đất, loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thuộc thửa đất 1531, tờ bản đồ số 3, xã B. Thu hồi dư 20,6m² của

hộ bà Trần Thị A, ông Âu Thành C.

4. Hủy một phần Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1, nội dung: bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị A, ông Âu Thành C tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 278.569.800 đồng, bồi thường hỗ trợ về đất là 15.680.000 đồng, loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK).

5. Hủy một phần Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3197/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1, nội dung: bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị A, ông Âu Thành C tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 30.068.200 đồng, bồi thường hỗ trợ về đất là 27.160.000 đồng, loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK).

6. Hủy Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3599/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B1, nội dung: bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị A, ông Âu Thành C tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất là 15.400.000 đồng, loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK).

7. Rút yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1671/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B1.

Ngoài ra, ông C, bà A không còn có yêu cầu gì khác.

Tại Công văn số 2933/UBND ngày 02/12/2020 và Biên bản làm việc ngày 03/12/2020, người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện B1 và UBND huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Hộ ông Âu Thành C (vợ là bà Trần Thị A) đang sử dụng 03 thửa đất:

- Thửa đất số 1531, tờ bản đồ số 03 (bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 18/10/2017), xã B, diện tích thửa đất 260m², diện tích thu hồi 55m², loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, (HNK), diện tích còn lại 205m².

Thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS 553173, số vào sổ CSO 1161 cấp ngày 25/7/2016, diện tích 175,2m². Diện tích thực tế tăng so với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 84,8m², nguyên nhân là do trong quá trình tách thửa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã trừ đi phần đất hành lang giao thông và ông C có lấn ra phía sau đất nghĩa địa. Thửa đất có đăng ký trong bản đồ 299, thuộc thửa đất số 1062, tờ bản đồ số 7, diện tích 260m², loại đất T, tên đăng ký Âu C; Thửa đất có tên trong sổ đăng ký ruộng đất (sổ 5b). Nguyên thửa đất này ông bà Lưu Hạ trước năm 1975 cho bà Trần Thị A để xây dựng nhà ở, quá trình sử dụng ổn định, không ai tranh chấp.

- Thửa đất số 1530, tờ bản đồ số 3 (bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 14/7/2017), diện tích 263m², diện tích thu hồi 56m², loại đất: Đất ở nông thôn (ONT), diện tích còn lại 207m².

Thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CSO 1160 cấp ngày 05/7/2016, số phát hành BS 553172, diện tích 241,5m². Diện tích thực tế tăng so với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 21,5m², đã được thống nhất công nhận loại đất tăng, loại đất tăng là đất vườn (HNK). Thửa đất có đăng ký trong bản đồ 299, thuộc thửa đất số 1062, tờ bản đồ số 7, diện tích 260m², loại đất T, tên đăng ký Âu C; Thửa đất có tên trong sổ đăng ký

ruộng đất (số 5b). Nguyên thửa đất này ông bà lưu hạ trước năm 1975, quá trình sử dụng ổn định, không ai tranh chấp.

- Thửa đất số 764, tờ bản đồ số 03 (bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 03/8/2017), xã B, diện tích thửa đất 494m², diện tích thu hồi 97m², loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) diện tích còn lại 397m².

Thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00541 cấp ngày 25/12/1997, diện tích 300m². Diện tích thực tế tăng so với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 194m² đã được thống nhất công nhận loại đất tăng, loại đất tăng là đất vườn (HNK). Nguyên thửa đất này ông Nguyễn An sử dụng trước năm 1980, đến năm 1990 ông An chuyển nhượng cho bà Trần Thị A, quá trình sử dụng ổn định, không ai tranh chấp.

Quá trình thực hiện thu hồi đất và kê khai bồi thường, hỗ trợ tại thửa đất trên:

Trên cơ sở kết quả xác nhận của UBND xã B tại thời điểm triển khai thực hiện công tác kiểm kê, áp giá bồi thường xác định nguồn gốc thửa đất và bản đồ địa chính khu đất Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/09/2017, xã B là do hộ ông Âu Thành C (vợ là bà Trần Thị A) sử dụng, tình trạng tranh chấp không. Do đó,

UBND huyện ban hành Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 26/9/2017; Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 06/10/2017; Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 23/11/2017; Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND huyện B1 điều chỉnh Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND huyện B1; Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND huyện B1 điều chỉnh Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND huyện B1; Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 18/06/2018 của UBND huyện B1 điều chỉnh quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của UBND huyện B1.

UBND huyện ban hành Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 bồi thường hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị A, với tổng số tiền là 278.569.800 đồng; Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 bồi thường hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị A với tổng số tiền là 36.068.200 đồng; Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 bồi thường hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị A với tổng số tiền là 15.400.000 đồng; Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 26/04/2018 bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị A với tổng số tiền là 58.917.700 đồng; Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Thị A với tổng số tiền là 45.760.000 đồng.

Tổng cộng tiền bồi thường, hỗ trợ là: 434.715.700 đồng.

Quá trình giải quyết khiếu nại của ông Âu Thành C:

- Tại biên bản làm việc ngày 19/3/2019 giữa Cơ quan Ủy ban kiểm tra - Thanh tra huyện với hộ ông Âu Thành C, theo Thông báo số 83/TB -UBND ngày 27/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện B1 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu, thì hộ ông Âu Thành C khiếu nại các nội dung:

+ Khiếu nại Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017; Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày

06/12/2017 và Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của UBND huyện B1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Âu Thành C vì các lý do sau: Đơn giá bồi thường về đất 500.000 đồng/m² là quá thấp và Đơn giá bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa, vật kiến trúc quá thấp.

+ Khiếu nại không cấp thêm 01 lô đất định cư, vì theo quy định của pháp luật thì ông Âu Thành C được cấp 02 lô đất tái định cư.

- Tuy nhiên, ngày 23/4/2019 khi làm việc với Tổ Công tác số 2 ông Âu Thành C phát sinh thêm nội dung khiếu nại, kiểm kê không đúng cấp nhà cho gia đình ông là chưa đảm bảo theo quy định. Theo đó, ngày 08/5/2019 Tổ Công tác tổ chức phối hợp với Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, và UBND xã B tổ chức kiểm tra hiện trạng. Tại buổi làm việc Tổ Công tác đã kiểm tra và giải thích quy định về cơ chế, chính sách bồi thường cho ông Âu Thành C biết, sau khi nghe giải thích và vận động ông Âu Thành C đã thống nhất rút 02 nội dung: Về kiểm kê không đúng cấp nhà và cấp thêm một lô đất tái định cư. Kết quả buổi làm việc, ông Âu Thành C khiếu nại 02 nội dung:

+ Đơn giá bồi thường về đất 500.000 đồng/m² là quá thấp.

+ Đơn giá bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa, vật kiến trúc quá thấp.

02 nội dung khiếu nại của ông Âu Thành C đã được Chủ tịch UBND huyện thành lập Đoàn công tác liên ngành tại Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 để thẩm tra, xác minh và kết luận nội dung khiếu nại. Đoàn công tác liên ngành đã tổ chức đối thoại và báo cáo kết quả cho chủ tịch UBND huyện tại báo cáo số 113/BC-TCT ngày 05/7/2019. Đến ngày 03/9/2019, Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 2511/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Âu Thành C, có nội dung bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Âu Thành C và giữ nguyên nội dung các Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 và Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 06/12/2017; Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của UBND huyện B1.

- Ngày 05/8/2019 Chủ tịch UBND huyện B1 nhận yêu cầu của ông Âu Thành C, Chủ tịch huyện ban hành Thông báo số 260/TB-UBND ngày 04/9/2019 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của UBND huyện B1 về việc thu hồi 55m² đất, thuộc một phần thửa đất số 1531, tờ bản đồ số 3 (bản đồ dự án), xã B là không đúng.

Nội dung khiếu nại của ông Âu Thành C đã được Chủ tịch UBND huyện thành lập Đoàn công tác liên ngành tại Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 để thẩm tra, xác minh và kết luận nội dung khiếu nại, Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B1 về việc giao nhiệm vụ xác minh, kết luận nội dung khiếu nại của ông Âu Thành C, ở thôn X, xã B. Đoàn công tác liên ngành đã tổ chức đối thoại và báo cáo kết quả cho Chủ tịch UBND huyện tại Báo cáo số 201/BC-TCT2 ngày 25/11/2019 và Báo cáo số 218/BC-TCT2 ngày 23/12/2019. Đến ngày 24/12/2019, Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 3642/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Âu Thành C, có nội dung bác nội dung khiếu nại của ông Âu Thành C, giữ

nguyên nội dung Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của UBND huyện B1.

UBND huyện và Chủ tịch UBND huyện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Âu Thành C, bà Trần Thị A:

UBND huyện B1 đã thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho ông Âu Thành C, bà Trần Thị A đúng theo quy định của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Việc đấu giá đất giữa ông Nguyễn Tấn Mạnh với Chi cục thi hành án dân sự huyện B1 là dựa trên cơ sở việc đấu giá, ai trả cao thì trúng đấu giá và được mua tài sản đấu giá, nên không thể so sánh việc đấu giá tài sản, trúng đấu giá tài sản, mua tài sản trúng đấu giá với việc Nhà nước thu hồi đất và bồi thường giá trị đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội và an ninh, quốc phòng.

Việc UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 23/11/2017; Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017; Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 06/12/2017; Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 là đúng quy định của pháp luật.

Việc Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Âu Thành C đảm bảo đúng theo quy định pháp luật.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày tại văn bản số 5906/UBND-NC ngày 01/12/2020 như sau:

Năm 2016, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km1027 – Km 1045+780, tỉnh Quảng Ngãi (đoạn qua xã B - đợt 6), UBND huyện B1 đã ban hành Thông báo thu hồi đất số 691/TB-UBND ngày 03/8/2016. Trên cơ sở đó, UBND huyện B1 đã tiến hành các thủ tục và ban hành các Quyết định phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km1027 – Km 1045+780, tỉnh Quảng Ngãi (đoạn qua xã B), trong đó hộ ông Âu Thành C và bà Trần Thị A có 03 thửa đất đang quản lý, sử dụng từ năm 1968 bị ảnh hưởng bởi dự án, gồm:

- Thửa đất số 1530, tờ bản đồ số 03 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 14/7/2017), xã B, diện tích 263m² có nguồn gốc do ông bà lưu hạ lại từ trước năm 1975, do ông Âu Thành C đứng tên đăng ký kê khai trong sổ đăng ký ruộng đất mẫu 5b lập theo Chỉ thị 299/TTg thuộc thửa đất số 1062, tờ bản đồ số, 7, diện tích 260m² loại đất T; sau này đã được UBND huyện B1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CSO 1160 ngày 25/7/2016 là thửa số 1530, tờ bản đồ số 17, diện tích 241,5m². Diện tích thực tế đo đạc thực hiện dự án tăng so với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 21,5m².

- Thửa đất số 764, tờ bản đồ số 03 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 03/8/2017), xã B, diện tích 494m² có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn An từ năm 1990; đã được UBND huyện B1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ L 485974 ngày 25/12/1997 là thửa đất số 1271, tờ bản đồ số 7, diện tích 300m². Diện tích

thực tế do đặc thực hiện dự án tăng so với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 194m².

- Thừa đất số 1531, tờ bản đồ số 03 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 18/10/2017), xã B, diện tích 260m² có nguồn gốc do ông bà lưu hạ lại từ trước năm 1975, do ông Âu Thành C đứng tên kê khai trong sổ đăng ký ruộng đất mẫu 5b lập theo Chỉ thị 299/TTg (thừa đất số 1062, tờ bản đồ số 7, diện tích 260m², loại đất T), UBND huyện B1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số CSO 1161 ngày 05/7/2016 là thừa số 1531, tờ bản đồ số 17, diện tích 175,2m². Diện tích thực tế đo đạc thực hiện dự án tăng so với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 84,8m².

UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 thu hồi 56m² đất, loại đất HNK, thuộc thửa đất số 1530, tờ bản đồ số 3; Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 thu hồi 97m² đất, loại đất HNK, thuộc thửa đất số 764, tờ bản đồ số 3 và Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 thu hồi 55m² đất, loại đất HNK, thuộc thửa số 1531, tờ bản đồ số 3.

UBND huyện B1 cũng đã ban hành các Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Âu Thành C, bà Trần Thị A: Quyết định số 2762/QĐ- UBND ngày 05/10/2017 với số tiền là 278.569.800 đồng; Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 với tổng số tiền 36.068.200 đồng; Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 với tổng số tiền là 15.400.000 đồng.

Để xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 1027 Km 1045+780 thuộc địa bàn huyện B1 đối với các trường hợp thu hồi đất trong năm 2017, UBND huyện B1 đã có Công văn số 632/UBND ngày 24/3/2017 trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét tham mưu UBND tỉnh phê duyệt. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã xem xét đề nghị của UBND huyện B1 và có Tờ trình số 1594/TTr-STNMT ngày 21/4/2017 đề nghị Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xem xét thẩm định để làm cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt. Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của tỉnh (do Sở Tài chính làm cơ quan thường trực) đã tổ chức họp thẩm định và thông báo kết quả thẩm định tại Thông báo số 51/TB-HĐTĐGD ngày 17/4/2017 và Thông báo số 55/TB-HĐTĐGD ngày 20/4/2017. Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thẩm định, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 1027- Km 1045+780 thuộc địa bàn huyện B1 trong năm 2017, theo đó xác định đất ở tại nông thôn thuộc vị trí 6, vị trí 8, khu vực 1 có hệ số điều chỉnh là 1,0 lần. Trên cơ sở phê duyệt giá đất đất cụ thể của UBND tỉnh, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường của dự tiến hành áp giá đất ở vị trí 8, khu vực 1 , giá đất ở cụ thể để tính bồi thường là: 500.000 đồng/m² X hệ số điều chỉnh giá đất (1,0 lần) = 500.000 đồng/m² áp dụng cho trường hợp của hộ ông Âu Thành C.

Đến năm 2018, đối với các trường hợp mới ban hành quyết định thu hồi đất hay có thay đổi nội dung trong quyết định thu hồi đất đã ban hành trước đó vào năm 2017 (thay đổi về loại đất, diện tích, chủ sử dụng hợp pháp,...), UBND huyện B1 đã có Công văn số 91/UBND ngày 12/01/2018 đề nghị, được Sở Tài

nguyên và Môi trường xem xét có Công văn số 549/STNMT-QLĐĐ ngày 31/01/2018 trình UBND tỉnh xem xét, đã được Chủ tịch UBND tỉnh có Công văn số 690/UBND-CNXD ngày 02/02/2018 thống nhất cho phép UBND huyện B1 tiếp tục điều chỉnh giá đất tại Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 1027 – Km 1045+780 thuộc địa bàn huyện B1 trong năm 2018.

Đối với trường hợp hộ ông Âu Thành C, UBND huyện B1 đã điều chỉnh loại đất trong các Quyết định thu hồi đất trước đây từ loại đất HNK sang đất ONT, cụ thể: Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 điều chỉnh Quyết định số 1421/QĐ-UBND; Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 điều chỉnh Quyết định số 1296/QĐ-UBND; Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 điều chỉnh Quyết định số 2005/QĐ-UBND. UBND huyện B1 đã ban hành Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Âu Thành C và bà Trần Thị A với tổng số tiền 58.917.700 đồng và Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 với tổng số tiền 45.760.000 đồng (do điều chỉnh loại đất từ HNK sang ONT nên giá trị bồi thường tăng lên).

Như vậy, UBND huyện B1 đã thu hồi của hộ ông Âu Thành C tổng cộng 208m² đất ONT, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 434.715.700 đồng (bồi thường, hỗ trợ về đất 104.000.000 đồng; nhà cửa, vật kiến trúc 309.266.500 đồng; cây cối, hoa màu 2.375.000 đồng, các khoản hỗ trợ khác 19.074.200 đồng).

Ngoài ra, hộ ông C được bố trí 01 lô đất tái định cư (Lô số 18, Khu A, diện tích 140m² tại Khu tái định cư TL, xã T3, huyện S1, thuộc thửa đất số 730, tờ bản đồ số 09, xã T3, huyện S1), đã được UBND huyện S1 ban hành Quyết định giao đất số 6423/QĐ-UBND ngày 27/12/2018.

Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện B1, ông Âu Thành C đã phát sinh khiếu nại các Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017, Quyết định số 3197/QĐ-UBND 18/10/2017, Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 06/12/2017, Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 và Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND huyện B1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông về các nội dung:

- Đơn giá bồi thường về đất ở cho hộ ông với mức 500.000 đồng/m² là quá thấp so với giá thị trường.

- Đơn giá bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc cho hộ ông quá thấp, không đủ để xây dựng lại nhà mới theo giá thị trường hiện nay.

Khiếu nại của hộ ông Âu Thành C đã được Chủ tịch UBND huyện B1 thụ lý và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2511/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 bác toàn bộ nội dung khiếu nại của công dân. Không đồng ý với việc giải quyết của Chủ tịch UBND huyện B1, ông Âu Thành C phát sinh đơn đề ngày 07/10 /2019 tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh cả 02 nội dung trên và được Chủ tịch UBND tỉnh thụ lý, giao Chánh Thanh tra tỉnh thẩm tra, xác minh. Trên cơ sở kết quả thẩm tra, xác minh của Thanh tra tỉnh tại Báo cáo số 03/BC-TTT ngày 16/01/2020, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 không công nhận nội dung khiếu nại của hộ ông Âu Thành C.

Ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh đối với nội dung vụ kiện và yêu cầu của ông Âu Thành C:

- Về đơn giá đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ:

Các thửa đất của hộ ông Âu Thành C bị ảnh hưởng bởi dự án nằm ở mặt tiền Quốc lộ 1A đoạn từ cầu Cháy đến giáp ranh giới xã T3, huyện S1; theo quy định tại điểm b Mục 2 Bảng giá số 2 (ban hành kèm theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh) quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019) thì thửa đất ở này của hộ ông Âu Thành C thuộc vị trí 8, khu vực 1 (đơn giá 500.000 đồng/m²) và hệ số điều chỉnh giá đất 1,0 lần (theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh) và Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất cho phép UBND huyện B1 tiếp tục áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất tại Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh, trong năm 2018 tại Công văn số 690/UBND-CNXD ngày 02/02/2018.

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 15, Điều 16 và khoản 1, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất cho thấy việc xác định giá đất cụ thể để tính toán bồi thường khi thu hồi đất được thực hiện theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất; trình tự, thủ tục thực hiện và thẩm quyền phê duyệt cơ bản đầy đủ và đúng với quy định pháp luật. Khiếu nại giá đất ở tính bồi thường, hỗ trợ thấp và yêu cầu áp giá theo thị trường của hộ ông Âu Thành C là không có căn cứ pháp lý để xem xét giải quyết.

- Về đơn giá bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc:

Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 1027-Km1045+780, qua huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi được triển khai từ năm 2016. Qua thẩm tra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho thấy, UBND huyện B1 đã áp dụng cơ chế, chính sách bồi thường về nhà cửa, vật kiến trúc và hỗ trợ khác theo đúng các quy định của UBND tỉnh, đang có hiệu lực thi hành vào thời điểm thu hồi đất của dự án, bao gồm: Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội lợi ích quốc gia, công cộng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Bảng tự kê khai và biên bản kiểm kê cùng ngày 07/12/2016 về đất đai và tài sản bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án có chữ ký xác nhận của đại diện chủ sở hữu tài sản là bà Trần Thị A (vợ ông Âu Thành C) thể hiện nhà cửa, vật kiến trúc bị ảnh hưởng gồm: nhà cấp III.C với diện tích 69,6m² (trừ chênh lệch nền gạch hoa xi măng/ nền xi măng); nhà cấp IV.C với diện tích 35m², tường rào TR5; Móng xây đá chẻ, cột BTCT lắp ghép, tường rào đoạn dưới xây gạch quét vôi, phần trên lắp đặt lưới B40 với diện tích 18m²; sân phơi bê tông, mặt láng xi măng với diện tích 20m²; giếng buy bê tông không có cốt thép đường kính 1,2m. Đối chiếu theo quy định tại Bảng phụ lục phân cấp nhà ban hành kèm theo Quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của

UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thì nhà ở có kết cấu như nêu trên được xác định là nhà cấp III.C và nhà cấp IV.C, với đơn giá áp dụng bồi thường theo quy định tại mục A.III.3, A.IV.3 Phần I Quyết định này là 2.797.000 đồng/m² và 2.246.000 đồng/m². Tuy nhiên, theo quy định này về tiêu chí cấp nhà thì nhà cấp III.C phải có nền gạch hoa xi măng, nhưng nhà của ông Âu Thành C chỉ là nền xi măng nên phải trừ đi phần chênh lệch này.

Như vậy, việc UBND huyện B1 quyết định bồi thường về nhà cho hộ ông Âu Thành C với đơn giá 2.797.000 đồng/m² đối với nhà cấp III.C trừ đi phần chênh lệch nền xi măng và 2.246.000 đồng/m² đối với nhà cấp IV.C là đúng quy định. Việc UBND huyện B1 tính toán bồi thường phần hàng mục tường rào TR5, sân phơi bê tông và Giếng buy bê tông không có cốt thép là đúng quy định tại mục B.III.5, C.III.1, C.IV.5 Phần I Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Khiếu nại và yêu cầu của hộ ông Âu Thành C hiện nay về đơn giá bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc là không có cơ sở pháp lý để xem xét giải quyết.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 giải quyết không công nhận nội dung khiếu nại của hộ ông Âu Thành C là đúng quy định của pháp luật, yêu cầu của hộ ông Âu Thành C hiện nay là không có căn cứ pháp lý để giải quyết.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Âu Thị Th, bà Âu Thị Tuyết, ông Âu Thành D, ông Âu Thành Tr, ông Âu Thanh H2:

Thông nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Âu Thành C, bà Trần Thị A.

Bà Âu Thị T2, ông Âu Thành D, ông Âu Thành Tr, ông Âu Thanh H2 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong vụ án này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2021/HC-ST ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143, Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 79, Điều 83, Điều 86, Điều 88, Điều 89, điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 15, Điều 16 và khoản 1, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 37, Điều 38 và Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 5, Điều 7, Điều 10, Điều 12, Điều 18, Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Âu Thành C, bà Trần Thị A về việc: Hủy

một phần Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017, một phần Quyết định 3197/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 và một phần Quyết định 3599/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND huyện B1; Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B1 và Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1671/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của UBND huyện B1 của ông Âu Thành C, bà Trần Thị A vì ông C, bà A đã rút yêu cầu khởi kiện.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của ông C, bà A vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10 và 16/6/2021, ông Âu Thành C và bà Trần Thị A có đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông C, bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Ủy ban nhân dân huyện B1, Chủ tịch UBND huyện và UBND tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND tỉnh đã không trực tiếp đối thoại với người khiếu nại, việc ủy quyền cho Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi giải quyết và đối thoại là không đúng pháp luật; thời hạn giải quyết khiếu nại kéo dài; vi phạm về trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại của người khởi kiện; do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định thu hồi, buộc UBND tỉnh Quảng Ngãi và UBND huyện B1 phải bồi thường 208m² đất theo giá thị trường, hộ ông C đã được bố trí một lô đất tái định cư với diện tích 140m² nay yêu cầu bố trí thêm 01 lô đất tái định cư nữa cho ông C và bà A.

Đại diện theo ủy quyền của bà Âu Thị Th trình bày: Thống nhất với trình bày của người khởi kiện và cho rằng việc UBND huyện B1 xác định chủ thể bồi thường là không đúng, đề nghị xem xét lại chủ sở hữu được nhận tiền bồi thường.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Về việc chấp hành hành luật: Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Tòa án sơ thẩm đã giải quyết vụ án là đúng pháp luật; người khởi kiện kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới khác; do đó đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đại diện theo pháp luật của người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt; những người này sau khi xét xử sơ thẩm đều không kháng cáo và đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Âu Thành C và bà Nguyễn Thị Anh, thấy:

[2.1] Năm 2016, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi (đoạn qua xã B - đợt 6), UBND huyện B1 đã ban hành Thông báo thu hồi đất số 691/TB-UBND ngày 03/8/2016. UBND huyện B1 đã tiến hành các thủ tục và ban hành các Quyết định phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km1027 – Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi (đoạn qua xã B), trong đó hộ ông Âu Thành C và bà Trần Thị A có 03 thửa đất đang quản lý, sử dụng từ năm 1968 bị ảnh hưởng bởi dự án, gồm: - Thửa đất số 1530, tờ bản đồ số 03, xã B, diện tích 263m² đã được UBND huyện B1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CSO 1160 ngày 25/7/2016 tờ bản đồ số 17, diện tích 241,5m²; diện tích thực tế đo đạc thực hiện dự án tăng so với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 21,5m². Thửa đất số 764, tờ bản đồ số 03, xã B, diện tích 494m²; đã được UBND huyện B1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ L 485974 ngày 25/12/1997 là thửa đất số 1271, tờ bản đồ số 7, diện tích 300m²; diện tích thực tế đo đạc thực hiện dự án tăng so với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 194m². Thửa đất số 1531, tờ bản đồ số 03, xã B, diện tích 260m², UBND huyện B1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CSO 1161 ngày 05/7/2016 là thửa số 1531, tờ bản đồ số 17, diện tích 175,2m²; diện tích thực tế đo đạc thực hiện dự án tăng so với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 84,8m². UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 thu hồi 56m² đất, loại đất HNK, thuộc thửa đất số 1530, tờ bản đồ số 3; Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 thu hồi 97m² đất, loại đất HNK, thuộc thửa đất số 764, tờ bản đồ số 3 và Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 thu hồi 55m² đất, loại đất HNK, thuộc thửa số 1531, tờ bản đồ số 3. UBND huyện B1 cũng đã ban hành các Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Âu Thành C, bà Trần Thị A: Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 với số tiền là 278.569.800 đồng; Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 với tổng số tiền 36.068.200 đồng; Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 với tổng số tiền là 15.400.000 đồng.

[2.2] Về đơn giá đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ: Người khởi kiện (ông C, bà A) yêu cầu bồi thường 208m² đất ở theo giá thị trường, thấy: Các thửa đất của hộ ông Âu Thành C bị ảnh hưởng bởi dự án nằm ở mặt tiền Quốc lộ 1A đoạn từ cầu Cháy đến giáp ranh giới xã T3, huyện S1; theo quy định tại điểm b Mục 2 Bảng giá số 2 (ban hành kèm theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh) quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019) thì thửa đất ở này của hộ ông Âu Thành C thuộc vị trí 8, khu vực 1 (đơn giá 500.000 đồng/m²) và hệ số điều chỉnh giá đất 1,0 lần (theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh). Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 15, Điều 16 và khoản 1 khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất bồi thường khi thu hồi đất được thực hiện theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá

đất; trình tự, thủ tục thực hiện và thẩm quyền đúng với quy định pháp luật. Khiếu nại giá đất ở tính bồi thường, hỗ trợ thấp và yêu cầu áp giá theo thị trường của ông C, bà A là không có căn cứ.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo buộc UBND huyện B1 cấp cho hộ ông C, bà A một Lô đất tại định cư, thấy: Hộ ông C, bà A bị ảnh hưởng giải tỏa mở đường với diện tích 208m² đã được Nhà nước bố trí một lô đất tái định cư với diện tích 140m² là đúng theo quy định của UBND tỉnh Quảng Ngãi, nên yêu cầu ông C, bà A cấp thêm một lô đất tái định cư nữa là không có căn cứ.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1671/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của UBND huyện B1 của ông Âu Thành C, bà Trần Thị A vì ông C, bà A đã rút yêu cầu khởi kiện và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của ông C, bà A vì đã hết thời hiệu khởi kiện; bác yêu cầu khởi kiện của ông Âu Thành C, bà Trần Thị A về việc: Hủy một phần Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017, một phần Quyết định 3197/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 và một phần Quyết định 3599/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND huyện B1; Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B1 và Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ và đúng pháp luật. Ông Âu Thành C, bà Trần Thị A kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm ông bà không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác; do đó bác kháng cáo của người khởi kiện ông C, bà A, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Đối với trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Âu Thị Th, thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm bà Th không kháng cáo; Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị; do đó yêu cầu của bà Th không được xem xét.

[5] Ông Âu Thành C, sinh năm 1937 và bà Trần Thị A, sinh năm 1940 là người cao tuổi và có Đơn xin miễn nộp án phí; do đó được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/ Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Âu Thành C và bà Trần Thị A, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 12/2021/HC-ST ngày 02/06/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc: *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại”*.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Âu Thành C, bà Trần Thị A về việc: Hủy một phần Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 05/10/2017, một phần Quyết định 3197/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 và một phần Quyết định 3599/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND huyện B1; Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện B1 và Quyết định số 537/QĐ-UBND

ngày 15/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1671/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của UBND huyện B1 của ông Âu Thành C, bà Trần Thị A vì ông C, bà A đã rút yêu cầu khởi kiện.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của ông C, bà A vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

II/ Án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm ông Âu Thành C, bà Trần Thị A không phải chịu. Hoàn trả cho ông Âu Thành C, bà Trần Thị A 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2018/0006050 ngày 23/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn